

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 297/2019/DS-PT

Ngày 10/10/2019

*“V/v: Tranh chấp quyền sở hữu
nhà ở và tranh chấp về thừa kế”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lại Vĩnh Trung**

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái

Bà Nguyễn Thu Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Vĩnh Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 284/2019/TLPT-DS về việc: *“Tranh chấp quyền sở hữu nhà ở và tranh chấp về thừa kế”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07A/2019/DS-ST ngày 10 và 13/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 299/2019/QĐXX-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung sinh năm: 1946.

Hộ khẩu thường trú: 21 phố Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hiện ở tại: 19 ngõ 24 Lương Yên, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh Tùng sinh năm: 1945

Hộ khẩu thường trú: 54 Hàng Điếu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hiện ở tại: 19 ngõ 24 Lương Yên, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bi đơn: Ông Nguyễn Văn Nghĩa sinh năm: 1944.

Hộ khẩu thường trú: 21 phố Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Lan Anh

sinh năm: 1950.

Hộ khẩu thường trú: 21 phố Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Anh Nguyễn Văn Chung sinh năm: 1976.

Hộ khẩu thường trú: 21 phố Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

3. Anh Nguyễn Văn Thành sinh năm: 1979.

Hộ khẩu thường trú: 21 phố Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Anh Nguyễn Văn Thành ủy quyền cho bà Phạm Thị Lan Anh.

4. Ông Nguyễn Văn Hiếu sinh năm: 1938.

Hộ khẩu thường trú: 21 phố Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị Nga sinh năm: 1939.

Hộ khẩu thường trú: 220/9Y/47 – Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

6. Bà Nguyễn Thu Dung sinh năm: 1940.

Hộ khẩu thường trú: số 3 Ngách 104/43 – Lương Khánh Thiện, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

7. Bà Nguyễn Kim Oanh sinh năm: 1942.

Hộ khẩu thường trú: 298 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

8. Bà Mai Thị Dự sinh năm: 1948.

Hộ khẩu thường trú: 21 phố Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

9. Bà Vũ Thị Kim Lương sinh năm: 1954

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 10, ngõ 197/169/2 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội.

10. Bà Vũ Thị Kim Phương sinh năm: 1956

Hộ khẩu thường trú: 316 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội.

11. Bà Vũ Thị Kim Anh sinh năm: 1957

Hộ khẩu thường trú: Số 62 ngừ 62 Bảo Linh, Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

12. Ông Vũ Thế Huy sinh năm: 1959

Hộ khẩu thường trú: số 15 ngõ 357 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hiện ở tại: số 2 ngõ 365 phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

13. Bà Vũ Thị Huyền Diệp

sinh năm: 1962

Hộ khẩu thường trú: 92 phố Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung trình bày:

- Bố bà là cô Nguyễn Văn Phong (chết năm 1947) vợ mẹ bà là cô Lê Thị Thanh (chết năm 1980). Cô Phong vợ cô Thanh cả có 6 con như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Týnh, sinh năm nào không nhớ, ®. mất khoảng năm 2003.

2. Ông Nguyễn Văn Khâm, sinh năm: 1930, ®. mất năm: 1948 (Liệt sĩ).

3. Ông Nguyễn Văn Xuân, sinh năm: 1933, ®. mất: 27/6/2011.

4. Bà Nguyễn Thị Phụng, sinh năm: 1934. Chết năm 2015.

5. Ông Nguyễn Văn Hiếu, sinh năm: 1938.

6. Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm: 1939.

7. Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm: 1940.

8. Bà Nguyễn Kim Oanh, sinh năm: 1943.

9. Ông Nguyễn Văn Nghĩa, sinh năm: 1944.

10. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh năm: 1946.

Ngoài ra có 6 cô không cả con riêng, không cả con nuôi nữa.

Ngày 05/11/2007 Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sở hữu đất số 010419513201034 với diện tích sàn là 20,5m² và diện tích đất ở sở hữu chung là 37,8m² (gọi tắt là Giấy chứng nhận) mang tên ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung cho tổng 1 số nhà 21 phố Lê Văn Can, Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội (gọi tắt là nhà 21 Lê Văn Can). Ngày 27/6/2011, ông Nguyễn Văn Xuân chết và để lại 1 tài sản di chúc ngày 21/01/2010, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Đào. Nội dung di chúc như sau:

“Tài sản này là bất động sản. Bất động sản này là căn hộ tầng 1 số nhà 21 Lương Văn Can, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Có sổ đỏ số 010419513201034 mang tên tôi là «ng Nguyễn Văn Xuân và em gái tôi là bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung được Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội cấp ngày 05/11/2007.

- Bất động sản có hai phần: một phần của tôi (Nguyễn Văn Xuân) và một phần của em gái tôi (Nguyễn Thị Tuyết Nhung) vì là đồng sở hữu.

- Về phần bất động sản của riêng tôi (Nguyễn Văn Xuân) vì tôi không có vợ con nên sau khi tôi qua đời sẽ chia làm năm phần. Việc phân chia năm phần đó chỉ được thực hiện khi em gái tôi (Nguyễn Thị Tuyết Nhung) đồng ý bán nhà và giải quyết xong việc bán nhà.

- Năm phần đó được chia như sau:

1. Tôi cho em trai tôi là Nguyễn Văn Nghĩa, số chứng minh nhân dân số: 010269364 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2002 cùng hai con trai của em Nghĩa là Nguyễn Văn Chung và Nguyễn Văn Thành được ba phần năm giá trị tài sản riêng của tôi.

2. Tôi cho hai em gái: Nguyễn Thị Nga, số chứng minh nhân dân số: 020126898 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/06/2007 và Nguyễn Kim Oanh, số chứng minh nhân dân số: 0200081248 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2008 một phần năm giá trị tài sản của riêng tôi (chia đều cho hai người).

3. Còn lại một phần năm giá trị tài sản của riêng tôi, tôi giao cho hai em Nhung (chứng minh nhân dân số: 012913321 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 11/10/2006) và em Nghĩa lo việc chăm sóc mồ mả cho ông bà, bác Khâm (liệt sỹ) và cá nhân tôi (Nguyễn Văn Xuân). Ngoài ra làm từ thiện và tặng cho học sinh của tôi (Nguyễn).

4. Riêng các em khác của tôi là: Phượng, Hiếu, Dung tôi không cho gì vì mâu thuẫn, bất hòa và từ lâu không quan hệ gì với tôi.

5. Sau khi tôi qua đời, em Nhung tôi sẽ quản lý toàn bộ (vì là đồng sở hữu), gia đình em Nghĩa không ai được đòi ở vì tôi chỉ cho em Nghĩa và hai con được hưởng giá trị của ba phần năm phần bất động sản của riêng tôi (Nguyễn Văn Xuân).”

Trong nội dung di chúc có giao cho bà Nhung quản lý toàn bộ nhà 21 Lương Văn Can này.

Trước khi được cấp Giấy chứng nhận thì bà và ông Xuân đã cho ông Nghĩa và ông Hiếu mỗi ông thuê 1m² mặt tiền nhà 21 Lương Văn Can với giá 750.000 đồng/1tháng để kinh doanh đồ chơi trẻ em. Sau khi ông Xuân mất, ông Nghĩa không

trả tiền thuê nhà cho bà nữa. Bà làm đơn khởi kiện buộc ông Nghĩa phải trả 1m² nhà 21 L--ng V--n Can cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Nghĩa trình bày:

Về huyết thống gia đình bà Nhung trình bày là đúng. Bà Nhung không phải là chủ sở hữu hợp pháp duy nhất vì không có Giấy chứng nhận duy nhất đứng tên bà Nhung. Những lý do bà Nhung đưa ra là có Giấy chứng nhận đồng sở hữu, được quản lý nhà hợp pháp là không được nhà nước chấp nhận, không đủ điều kiện để nhà nước đổi Giấy chứng nhận đồng sở hữu của bà sang Giấy chứng nhận duy nhất đứng tên bà. Do đó bà làm đơn đòi nhà và thu tiền nhà của ông là vô lý và bất hợp pháp. Theo luật nhà nước và theo di chúc ông Xuân để lại nhà 21 L--ng V--n Can này có 02 phần: một phần của bà Nhung và một phần của ông Xuân vì là đồng sở hữu.

Trong di chúc ông Xuân khẳng định phần của ông không còn liên quan đích lúu đến bà Nhung. Bà Nhung không được phép can thiệp vào phần của ông Xuân. Phần của ông Xuân đã chia cho 05 người gồm: Bà Nga, bà Oanh, anh Chung, ông và anh Thành. Hiển nhiên, 05 người này là đồng thừa kế phần riêng của ông Xuân. Về mặt pháp lý, quyền lợi của bà Nhung và những người đồng thừa kế ngang bằng nhau.

Khi ông Xuân còn sống, phía mặt tiền nhà 21 L--ng V--n Can, ông Xuân chia làm 02 phần: Phần cho ông Hiếu thuê để kinh doanh có kích thước: 1m x 1,02m = 1,02 m²; Phần cho ông mượn để kinh doanh vì hoàn cảnh kinh tế gia đình ông khó khăn đã kéo dài gần 30 năm có kích thước: 1m x 1,35m = 1,35m².

Khi ông Xuân ốm nặng có nói cho vợ chồng ông cửa hàng này để sinh nhai, nhiều người đến thăm đều biết và làm chứng cho vợ chồng ông. Trong thời gian đó bà Nhung đã nhất trí với ông Xuân cho vợ chồng ông mượn, cho nên gần 30 năm nay bà Nhung không có đơn từ khiếu kiện gì, thắc mắc gì. Sau khi ông Xuân mất, bà Nhung đã cho ông Hiếu thuê và đã thu tiền thuê của ông Hiếu, điều đó khẳng định cửa hàng ông Hiếu buôn bán là phần của bà Nhung, còn cửa hàng vợ chồng ông buôn bán là phần của những người đồng thừa kế, bà Nhung không được can thiệp vào. Còn buồng bên trong là nơi thờ cúng, cũng là đồng sở hữu, bà Nhung đã thay khóa để chiếm hữu bất hợp pháp căn buồng này. Vấn đề bà Nhung cho rằng vợ chồng ông thuê nhà từ năm 1994 đến nay là hoàn toàn không có căn cứ, vì không có hợp đồng thuê nhà, không có sổ sách thu tiền nhà, không có hóa đơn đóng thuế theo nghĩa vụ của người cho thuê nhà, do đó phát ngôn này của bà Nhung không có cơ sở pháp lý.

Tóm lại, ông thấy nhà 21 L--ng V--n Can không phải của bà Nhung, bà Nhung không phải là chủ sở hữu hợp pháp duy nhất. Ngôi nhà này là đồng sở hữu của bà Nhung và bà Nga, bà Oanh, ông, anh Chung, anh Thành. Mọi định đoạt phải được sự đồng ý của những người đồng sở hữu bằng văn bản. Yêu cầu bà Nhung bán nhà để thực hiện theo di chúc, trong khi chờ bán nhà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng.

Ngày 10/10/2013, ông Nghĩa có đơn phản tố về việc chia thừa kế nhà 21 L--ng V--n Can theo di chúc ngày 21/01/2010 của ông Xuân. Đề nghị cho ông, anh Thành, anh Chung được hưởng bằng hiện vật vào cùng một khối để có cửa hàng buôn bán.

Hội đồng phân giá, tại phiên họp ngày 21/4/2015 để phân giá, tại phiên tòa 1, nhà 21 L--ng V--n Can. Tòa án thống nhất kết quả phân giá, như sau:

Giá trị dự định dùng: $20,5m^2 \times 5.524.000\text{đ}/m^2 \times 40\% = 45.297.000 \text{ đồng}.$

Giá trị quyền sở hữu đất: $20,5m^2 \times 350.000.000\text{đ}/m^2 = 7.175.000.000 \text{ đồng}.$

Bà Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1935, chết năm 2015 có chồng ông Vũ Thế Lăng, sinh năm 1933, chết năm 1993. Ông Lăng và bà Phụng có 05 người con chung là bà Vũ Thị Kim Lương; bà Vũ Thị Kim Phụng; bà Vũ Thị Kim Anh; ông Vũ Thế Huy và bà Vũ Thị Huyền Diệp. Ngoài ra, ông Lăng và bà Phụng không có con chung con riêng nào khác.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07A/2019/DSST ngày 10 và 13/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, đã quyết định:

I. Chấp nhận đơn phản tố chia thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Nghĩa.

II. Xác định ông Nguyễn Văn Xuân chết ngày 27/6/2011. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn Xuân là ngày 27/6/2011.

III. Xác định tổng 1 nhà số 21 phố L--ng V--n Can, Hạng Sơ, Hạng Kiếm, Hạng Núi được Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 010419513201034 ngày 05/11/2007 mang tên ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung có giá trị là: 7.220.297.000 đồng.

IV. Chia tài sản chung tổng 1 nhà số 21 phố L--ng V--n Can trên của ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung theo tỷ lệ 50/50. Ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

mỗi người được chia 1/2 tổng 1 nhà số 21 phố Lũng Vĩn Can có giá trị là: 3.610.148.500 đồng.

V. Chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung bằng hiện vật như sau:

1. Ông Nguyễn Văn Xuân được chia là: 1/2 tổng 1 nhà số 21 phố Lũng Vĩn Can trên có diện tích là 10,25m² (theo chiều dọc từ mặt phố đi vào phía bên phải) có giá trị là: 3.610.148.500 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung được chia là: 1/2 tổng 1 nhà số 21 phố Lũng Vĩn Can trên có diện tích là 10,25m² (theo chiều dọc từ mặt phố đi vào phía bên trái) có giá trị là: 3.610.148.500 đồng.

VI. Xác định Di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân lập ngày 21/01/2010, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Đào có hiệu lực và hợp pháp một phần.

VII. Ông Nguyễn Văn Nghĩa được hưởng thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân với số tiền là 1.083.044.500 đồng; Anh Nguyễn Văn Chung và anh Nguyễn Văn Thành mỗi người được hưởng thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân với số tiền là 722.029.700 đồng. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Kim Oanh mỗi người được hưởng thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân với số tiền là 361.014.850 đồng.

VIII: Chia cho ông Nguyễn Văn Nghĩa, anh Nguyễn Văn Chung và anh Nguyễn Văn Thành 1/2 tổng 1 nhà số 21 phố Lũng Vĩn Can trên có diện tích là 10,25m² (theo chiều dọc từ mặt phố đi vào phía bên phải) có giá trị là: 3.610.148.500 đồng. Ông Nguyễn Văn Nghĩa, anh Nguyễn Văn Chung và anh Nguyễn Văn Thành phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Kim Oanh mỗi người số tiền là 361.014.850 đồng.

IX. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện đòi tổng 1 nhà số 21 phố Lũng Vĩn Can, Hạng Sủo, Hạng Kiếm, Hạng Núi của bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung đối với ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Phạm Thị Lan Anh. Buộc ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Phạm Thị Lan Anh phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung diện tích là: 0,15m² tổng 1 nhà số 21 phố Lũng Vĩn Can trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, các bên đương sự có đơn kháng cáo như sau:

- Ngày 24/5/2019, ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Phạm Thị Lan Anh kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giao 1 m² nhà cho bà Nhung trong phần thờ cúng là không hợp lý mà phải giao cho ông vì bà Nhung đã đi lấy chồng không có quyền thờ cúng; Việc Tòa án định giá nhà 361 triệu đồng/1 m² là quá cao và việc tuyên án phí là không đúng.

- Ngày 15/5/2019, bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung có đơn kháng cáo; Ngày 16/5/2019, ông Nguyễn Mạnh Tùng kháng cáo; Ngày 18/5/2019, ông Nguyễn Văn Hiếu kháng cáo; Ngày 19/5/2019, bà Nguyễn Kim Oanh và bà Nguyễn Thị Nga kháng cáo nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại; Ngày 13/6/2019, bà Nhung, bà Oanh, bà Nga có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu được xét xử theo đúng di chúc của ông Xuân.

- Ngày 20/6/2019, bà Nguyễn Thu Dung có đơn với tiêu đề “Đơn kháng cáo” nhưng nội dung thì lại cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có lý, có tình và đề nghị được giữ nguyên bản thờ ở tầng 1 vì đã sử dụng hơn 50 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; Bị đơn không rút yêu cầu phản tố; Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự đều khẳng định hình thức di chúc đúng pháp luật, nội dung của bản di chúc rõ ràng không có điều gì cần phải tranh luận, giải thích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà nội phát biểu quan điểm:

Về phần thủ tục: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhận thấy về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đảm bảo các nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét di chúc ngày 21/01/2010 của ông Nguyễn Văn Xuân: Về hình thức là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung di chúc: di sản thừa kế của ông Xuân là ½ căn hộ tầng 1 số 21 phố Lương Văn Can. Theo nội dung di chúc, ông Xuân xác định để lại di sản thừa kế cho các em với điều kiện là chỉ khi người đồng sở hữu với ông là bà Nhung đồng ý bán và giải quyết xong việc bán nhà nên đây là việc hưởng thừa kế có điều kiện.

Về việc chỉ định người quản lý di sản: trong di chúc, ông Xuân đã chỉ định bà Nhung là người quản lý phần di sản của ông và nhắc lại thêm lần nữa là chỉ cho bố con ông Nghĩa hưởng bằng giá trị. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng di chúc không xác

định thời gian cụ thể quản lý di sản của bà Nhung nên không hợp pháp, không thể giao di sản cho bà Nhung quản lý là không đúng.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà Nhung chỉ đòi 1m² mà ông Nghĩa đang sử dụng, ông Nghĩa có yêu cầu phản tố chia luôn di sản thừa kế của ông Xuân. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nghĩa là không phù hợp với ý chí của ông Xuân. Tại phiên tòa, bà Nhung xác định phải bán nhà mới có tiền để thanh toán cho các đồng thừa kế, nếu không bà không có tiền để thanh toán cho họ. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia thừa kế ngay tại thời điểm này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Các bên đương sự kháng cáo đều là người cao tuổi nên theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì họ không phải chịu hoặc phải nộp tạm ứng án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn yêu cầu nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và đương sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm là không đúng, gây phiền hà cho đương sự nên cần rút kinh nghiệm. Đơn của bà Nguyễn Thu Dung không có nội dung kháng cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn yêu cầu nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng quy định.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định và đưa một số người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong khi họ không có quyền lợi cũng như nghĩa vụ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và cũng không có ai yêu cầu đưa họ tham gia tố tụng, bản thân họ cũng không tự đề nghị tham gia tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[II] Về nội dung:

Để giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự, cần phải xem xét lại toàn diện nội dung vụ án như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2012, bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung trình bày: Tầng 1 nhà số 21 Lương Văn Can, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà nội đã được UBND quận Hoàn Kiếm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết

Nhung vào ngày 05/11/2007. Theo đó, nhà ở có diện tích 20,5 m² và đất ở (sử dụng chung) 37,8 m². Ngày 27/6/2011, ông Nguyễn Văn Xuân chết có để lại bản di chúc lập ngày 21/01/2010 tại UBND phường Hàng Đào được chứng thực theo quy định. Do ông Nguyễn Văn Nghĩa chiếm dụng 01 m² phần mặt tiền của nhà bà để kinh doanh mà không trả tiền thuê mỗi tháng là 750.000 đồng từ tháng 7/2011 đến nay. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Nghĩa phải trả lại 01 m² nhà.

- Trong quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nhung, ngày 10/10/2013 ông Nguyễn Văn Nghĩa có đơn phản tố với các yêu cầu sau:

Xác định di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân lập ngày 21/01/2010 là hợp pháp, chia thừa kế theo di chúc và cho ông cùng gia đình hưởng bằng hiện vật cùng một khối để có cửa hàng buôn bán; ông tạm tính giá trị quyền sở hữu nhà, đất là 20,5 m² x 35.100.000 đ = 719.550.000 đ; Ông yêu cầu Tòa án đưa bà Oanh, bà Nga, bà Nguyệt là người có được hưởng thừa kế theo di chúc của ông Xuân vào tham gia tố tụng.

[1] Về yêu cầu đòi 01 m² nhà của bà Nhung, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận định: *“ Do đã chia thừa kế và bà Nhung được chia một phần nhà mà ông Nghĩa đang sử dụng của bà Nhung nên ông Nghĩa, bà Lan Anh phải trả một phần cửa hàng 0,15 m² cho bà Nhung ”* và quyết định: *“IX. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nhung, buộc ông Nghĩa và bà Lan Anh phải trả cho bà Nhung diện tích là 0,15 m² tầng 1 nhà số 21 phố Lương Văn Can (có sơ đồ kèm theo).”*

Về nội dung này, bà Nhung trình bày: mặt tiền giáp phố Lương Văn Can nhà chỉ có chiều ngang hơn 2m. Khi ông Xuân còn sống, bà và ông Xuân có cho ông Nghĩa và ông Hiếu thuê 01m chiều sâu của mặt tiền để hai ông mở cửa hàng bán đồ chơi, mỗi tháng mỗi ông phải trả 750.000 đồng. Việc thỏa thuận chỉ là thỏa thuận miệng không có văn bản cụ thể vì là anh em ruột. Sau khi ông Xuân chết thì ông Nghĩa không trả tiền thuê, cũng không trả lại diện tích này nên bà khởi kiện để đòi lại phần nhà mà ông Nghĩa đang sử dụng.

Ông Nghĩa cùng vợ là bà Lan Anh trình bày: Do vợ chồng ông bà là người chăm sóc, phụng dưỡng ông Xuân khi còn sống, cũng như trong lúc ông Xuân ốm đau, trong thời gian ông Xuân điều trị tại bệnh viện... nên ông Xuân đã cho ông bà và ông Hiếu mượn mặt tiền giáp phố Lương Văn Can để kinh doanh. Phần diện tích vợ chồng ông sử dụng đã gần 30 năm có kích thước khoảng 1m x 1,35m = 1,35 m². Khi ông Xuân ốm nặng có nói cho vợ chồng ông, bà cửa hàng này để sinh nhai, có nhiều người làm chứng cho vợ chồng ông. Đây là diện tích nhà thuộc phần sở hữu của ông Xuân cho vợ chồng ông, bà nên bà Nhung không có quyền can thiệp, ông bà cũng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhung đòi lại diện tích nhà mà ông bà đã được ông Xuân cho để sử dụng.

Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở do UBND quận Hoàn Kiếm cấp ngày 05/11/2007 cho đồng sở hữu là bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung và ông Nguyễn Văn Xuân nhà ở tại tầng 1, nhà số 21 phố Lương Văn Can có diện tích 20,5 m². Khi còn sống giữa ông Xuân và bà Nhung chưa có sự phân chia cụ thể phần diện tích nhà thuộc quyền sở hữu của mỗi người mà vẫn sử dụng chung toàn bộ diện tích 20,5 m² nhà này. Giữa ông Xuân và bà Nhung với ông Hiếu, ông Nghĩa có thỏa thuận việc ông Xuân, bà Nhung cho ông Hiếu và vợ chồng ông Nghĩa thuê phần diện tích mặt tiền giáp phố Lương Văn Can, chiều sâu vào khoảng 1m để hai ông mở cửa hàng kinh doanh. Tuy nhiên, giữa các bên chỉ có thỏa thuận miệng với nhau, không có hợp đồng cho thuê nhà bằng văn bản như quy định của pháp luật về hợp đồng thuê nhà. Do đó, không thể xác định chính xác diện tích nhà thuê, vị trí nhà cho thuê thuộc quyền sở hữu của bà Nhung hay của ông Xuân. Sau khi ông Xuân chết hiện nay ông Hiếu không còn mở cửa hàng kinh doanh nữa. Hiện chỉ còn cửa hàng của vợ chồng ông Nghĩa sử dụng khoảng hơn 01 m² tại tầng 01 nhà số 21 phố Lương Văn Can về phía bên phải từ đường nhìn vào.

Vợ chồng ông Nghĩa cho rằng lúc ông Xuân ốm nặng có nói cho vợ chồng ông, bà diện tích nhà này làm cửa hàng để sinh nhai; Tuy nhiên, giữa ông Xuân và bà Nhung chưa phân chia cụ thể phần diện tích của riêng từng người; Trong bản di chúc của mình ông Xuân không để lại ý chí của mình về diện tích nhà này. Do đó, cần phải xác định: hiện tại vợ chồng ông Nghĩa đang sử dụng một phần diện tích nhà (khoảng hơn 01 m²) thuộc sở hữu của bà Nhung và ông Xuân đã được Nhà nước công nhận quyền sở hữu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhung, buộc ông Nguyễn Văn Nghĩa cùng vợ là bà Phạm Thị Lan Anh phải trả lại toàn bộ diện tích nhà mà ông bà đang sử dụng cho bà Nhung để thực hiện việc chia thừa kế theo di chúc của ông Xuân. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quyết định cho ông Nghĩa và bà Lan Anh phải trả cho bà Nhung 0,15 m² là thiếu căn cứ. Do các bên không có hợp đồng cho thuê nhà nên không xác định cụ thể diện tích, vì vậy để đảm bảo cho việc thực hiện di chúc của ông Xuân thì cần buộc ông Nghĩa và bà Lan Anh phải trả lại toàn bộ diện tích theo hiện trạng mà ông bà đang sử dụng.

[2] Về yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Nghĩa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ngày 21/01/2010, ông Nguyễn Văn Xuân lập Bản di chúc tại UBND phường Hàng Đào, có chứng thực của ông Nguyễn Trung Thủy, Chủ tịch UBND phường. Nội dung của bản di chúc như sau:

“...A. Về tổ chức tang lễ:

B. Về tài sản:

Tài sản này là bất động sản. Bất động sản này là căn hộ tầng 1 số nhà 21 Lương Văn Can, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Có sổ đỏ số 010419513201034 mang tên tôi là «ng Nguyễn Văn Xuân vợ em gái tôi là bụ Nguyễn Thị Tuyết Nhung được Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội cấp ngày 05/11/2007.

- Bất động sản có hai phần: một phần của tôi (Nguyễn Văn Xuân) và một phần của em gái tôi (Nguyễn Thị Tuyết Nhung) vì là đồng sở hữu.

- Về phần bất động sản của riêng tôi (Nguyễn Văn Xuân) vì tôi không có vợ con nên sau khi tôi qua đời sẽ chia làm năm phần. Việc phân chia năm phần đó chỉ được thực hiện khi em gái tôi (Nguyễn Thị Tuyết Nhung) đồng ý bán nhà và giải quyết xong việc bán nhà.

- Năm phần đó được chia như sau:

1. Tôi cho em trai tôi là Nguyễn Văn Nghĩa, số chứng minh nhân dân số: 010269364 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2002 cùng hai con trai của em Nghĩa là Nguyễn Văn Chung và Nguyễn Văn Thành được ba phần năm giá trị tài sản riêng của tôi.

2. Tôi cho hai em gái: Nguyễn Thị Nga, số chứng minh nhân dân số: 020126898 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/06/2007 và Nguyễn Kim Oanh, số chứng minh nhân dân số: 0200081248 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2008 một phần năm giá trị tài sản của riêng tôi (chia đều cho hai người).

3. Còn lại một phần năm giá trị tài sản của riêng tôi, tôi giao cho hai em Nhung (chứng minh nhân dân số: 012913321 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 11/10/2006) và em Nghĩa lo việc chăm sóc mồ mả cho ông bà, bác Khâm (liệt sỹ) và cá nhân tôi (Nguyễn Văn Xuân). Ngoài ra làm từ thiện và tặng cho học sinh của tôi (Nguyệt).

4. Riêng các em khác của tôi là: Phượng, Hiếu, Dung tôi không cho gì vì mâu thuẫn, bất hòa và từ lâu không quan hệ gì với tôi.

5. Sau khi tôi qua đời, em Nhung tôi sẽ quản lý toàn bộ (vì là đồng sở hữu), gia đình em Nghĩa không ai được đòi ở vì tôi chỉ cho em Nghĩa và hai con được hưởng giá trị của ba phần năm phần bất động sản của riêng tôi (Nguyễn Văn Xuân). ”

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, các bên đương sự đều thống nhất xác định: Bản di chúc lập ngày 21/01/2010 của ông Xuân về hình thức đúng quy định của pháp luật. Nội dung của bản di chúc rõ ràng, không có điểm nào cần phải giải thích về nội dung. Do đó, mặc dù sau ngày ông Xuân chết (27/6/2011) bản di chúc không được công bố theo quy định của Điều 647 BLDS nhưng căn cứ vào nội dung của bản di chúc phải xác định như sau:

Thứ nhất: Di chúc không để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng.

Thứ hai: Di chúc đã chỉ định bà Nhung là người quản lý di sản thừa kế (vì là đồng sở hữu nhà ở tầng 1, nhà số 21 Lương Văn Can).

Thứ ba: Các thừa kế theo di chúc gồm: ông Nghĩa, anh Thành, anh Chung, bà Oanh, bà Nga, bà Nhung chỉ được nhận bằng giá trị đối với di sản thừa kế mà ông Xuân để lại (nhà ở thuộc phần sở hữu của ông Xuân khi còn sống) sau khi bà Nhung giải quyết xong việc bán nhà.

Thứ tư: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định không tìm được học sinh của ông Xuân có tên là Nguyệt do đó không thực hiện được di chúc của ông Xuân: *“Ngoài ra làm từ thiện và tặng cho học sinh của tôi (Nguyệt)”*.

Như vậy, đối với di sản của ông Xuân để lại phải được phân chia theo đúng ý chí của ông Xuân đã được thể hiện trong bản di chúc lập ngày 21/01/2010.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: *“Phần 5 của bản di chúc: Trong di chúc cũng không xác định thời gian quản lý di sản của bà Nhung. Việc phân chia năm phần đó chỉ được thực hiện khi bà Nhung đồng ý bán nhà và giải quyết xong việc bán nhà. Tuy nhiên, phần ý chí này của ông Xuân không có thời hạn cụ thể theo quy định pháp luật là giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm về quyền của người quản lý di sản, cho nên di sản không thể giao cho bà Nhung quản lý toàn bộ được.*

Nhà 21 phè Lương Văn Can là đồng sở hữu của ông Xuân và bà Nhung, cho nên khi ông Xuân chết, bà Nhung nếu bán nhà thì cũng phải có sự đồng ý của các đồng thừa kế của ông Xuân cho bán nhà 21 phè Lương Văn Can, đồng thời phải giải quyết việc sang tên nhà 21 phè Lương Văn Can theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Nghĩa, anh Thành, anh Chung không đồng ý việc bà Nhung tự bán nhà và ông Nghĩa có đơn phản tố.

Trong Di chúc của ông Xuân các điều khoản không thống nhất, không rõ ràng nên một số điều khoản không thể thực hiện được. Cho nên, phải xem xét chia thừa kế ngay chứ không để bà Nhung quản lý di sản rồi sau mới chia thừa kế thì không đảm bảo quyền lợi những người được hưởng thừa kế.” (Trích dẫn trang 8 bản án sơ thẩm).

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định như trên và quyết định phân chia di sản thừa kế của ông Xuân để lại cho ông Nghĩa, anh Thành, anh Chung được hưởng bằng hiện vật là không đúng với di chúc của ông Xuân để lại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, phân chia di sản của ông Xuân để lại cho các đồng thừa kế theo đúng ý chí của ông Xuân thể hiện tại bản di chúc. Cụ thể như sau:

- Xác định: Bất động sản là tầng 1 nhà số 21 phố Lương Văn Can, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà nội; Phần nhà ở có diện tích $20,5 \text{ m}^2$ được UBND quận Hoàn Kiếm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 05/11/2007 là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung. Chia tài sản chung, ông Xuân, bà Nhung mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ diện tích nhà ở ghi trong giấy chứng nhận là: $(20,5 \text{ m}^2 : 2) = 10,25 \text{ m}^2$. Phân chia theo chiều dọc của căn nhà từ mặt phố Lương Văn Can đi vào, phần nhà của ông Xuân nằm ở phía bên trái, phần nhà của bà Nhung được chia nằm ở phía bên phải. Phần đất ở diện tích ghi trong giấy là $37,8 \text{ m}^2$ sử dụng chung không phân chia.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhung, buộc vợ chồng ông Nghĩa phải trả lại toàn bộ diện tích đang sử dụng tại tầng 1, nhà số 21 phố Lương Văn Can.

- Xác định ông Nguyễn Văn Xuân chết ngày 27/6/2011. Thời điểm mở thừa kế di sản của ông Xuân là ngày 27/6/2011.

- Xác định bản di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân lập ngày 21/01/2010 có chứng thực tại UBND phường Hàng Đào có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực toàn bộ. Di sản thừa kế của ông Xuân để lại là $10,25 \text{ m}^2$ nhà ở tại tầng 1, nhà số 21 phố Lương Văn Can, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà nội được phân chia theo di chúc của ông Xuân.

Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung quản lý di sản của ông Xuân để lại. Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nhung phải có nghĩa vụ đứng ra bán di sản của ông Xuân để lại có sự tham gia chứng kiến của ông Nguyễn Văn Nghĩa, anh Nguyễn Văn Chung, anh Nguyễn Văn Thành, bà Nguyễn Thị Nga và bà Nguyễn Kim Oanh; hoặc bà Nhung phải thực hiện nghĩa vụ yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm tổ chức thi hành án. Số tiền bán nhà thu được sau khi trừ chi phí hợp lý cho việc bán nhà sẽ được phân chia thành 05 phần theo di chúc của ông Xuân. Cụ thể: ông Nghĩa, anh Thành, anh Chung được nhận 03 phần, bà Oanh, bà Nga được nhận chung 01 phần; còn lại $\frac{1}{5}$ số tiền chia cho bà Nhung ông Nghĩa mỗi người nhận được một nửa để thực hiện việc chăm sóc mồ mả cho ông bà, bác Khâm (liệt sĩ) và mồ mả của ông Xuân.

[3] Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các ông, bà là người cao tuổi: bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, ông Nguyễn Văn Nghĩa, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Kim Oanh, bà Phạm Thị Lan Anh, bà Nguyễn Thu Dung.

Do anh Nguyễn Văn Thành bị bệnh không có khả năng lao động nên xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 39; §10u 270; §10u 293, 294, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều: 207; 208; 209 ; 220; 609; 610; 611; 612; 613; 614; 623; 624; 625; 626; 627; 628; 630; 635; 636; 638; 640; 641; 643; Khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07A/2019/DSST ngày 10/5/2019 và 13/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà nội.

1. Xác định ông Nguyễn Văn Xuân chết ngày 27/6/2011. Thời điểm mở thừa kế di sản của ông Xuân là ngày 27/6/2011.

Xác định bản di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân lập ngày 21/01/2010 có chứng thực tại UBND phường Hàng Đào có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

2. Xác định: Bất động sản là tầng 1 nhà số 21 phố Lương Văn Can, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà nội; Phần nhà ở có diện tích 20,5 m² được UBND quận Hoàn Kiếm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 010519513201034, hồ sơ gốc số 3345/2007/QĐ ngày 05/11/2007 là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung. Chia tài sản chung, ông Xuân, bà Nhung mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ diện tích nhà ở ghi trong giấy chứng nhận là: $(20,5 \text{ m}^2 : 2) = 10,25 \text{ m}^2$. Chia tài sản chung bằng hiện vật làm hai phần bằng nhau: ông Nguyễn Văn Xuân được chia 10,25 m² theo chiều dọc của căn nhà từ mặt phố Lương Văn Can đi vào nằm ở phía bên trái; Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung được chia 10,25 m² theo chiều dọc của căn nhà từ mặt phố Lương Văn Can đi vào nằm ở phía bên phải.

3. Di sản thừa kế của ông Xuân để lại là bất động sản phần diện tích 10,25 m² nhà ở tại tầng 1, nhà số 21 phố Lương Văn Can, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà nội, theo chiều dọc của căn nhà từ mặt phố Lương Văn Can đi vào nằm ở phía bên trái.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, buộc ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Phạm Thị Lan Anh phải trả lại toàn bộ phần diện tích mà ông, bà đang sử dụng tại tầng 01, nhà số 21 phố Lương Văn Can để thực hiện việc chia thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Nghĩa về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Xuân.

6. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung quản lý toàn bộ di sản của ông Nguyễn Văn Xuân để lại. Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nhung phải có nghĩa vụ đứng ra bán di sản của ông Xuân để lại có sự tham gia chứng kiến của ông Nguyễn Văn Nghĩa, anh Nguyễn Văn Chung, anh Nguyễn Văn Thành, bà Nguyễn Thị Nga và bà Nguyễn Kim Oanh; hoặc bà Nhung phải thực hiện nghĩa vụ yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm tổ chức thi hành án. Số tiền bán nhà thu được sau khi trừ chi phí hợp lý cho việc bán nhà sẽ được phân chia thành 05 phần theo di chúc của ông Xuân.

Cụ thể: ông Nguyễn Văn Nghĩa, anh Nguyễn Văn Thành, anh Nguyễn Văn Chung được nhận 03 phần; bà Nguyễn Kim Oanh, bà Nguyễn Thị Nga được nhận chung 01 phần; còn lại 1/5 số tiền chia đều cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung và ông Nghĩa mỗi người nhận được một nửa để thực hiện việc chăm sóc mồ mả cho ông bà, bác Khâm (liệt sĩ) và mồ mả của ông Xuân.

7. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

8. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, ông Nguyễn Văn Nghĩa, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Kim Oanh là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Chung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 32.880.000 đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn Thành (anh Thành không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 32.880.000 đồng như phần Quyết định của bản án sơ thẩm).

Ông Nguyễn Văn Nghĩa được trả lại số tiền 6.030.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0378 ngày 17/10/2013.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung được hoàn lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0009915 ngày 25/3/2013 ® · nếp t¹i Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các ông, bà sau: bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, ông Nguyễn Văn Nghĩa, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Kim Oanh, bà Phạm Thị Lan Anh, bà Nguyễn Thu Dung.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho những người đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, gồm:

- Bà Nguyễn Kim Oanh: 300.000 đồng theo Biên lai số 03080 ngày 06/6/2019.

- Bà Nguyễn Thị Nga: 300.000 đồng theo Biên lai số 03079 ngày 06/6/2019.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung: 300.000 đồng theo Biên lai số 03078 ngày 06/6/2019.
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa: 300.000 đồng theo Biên lai số 03076 ngày 04/6/2019.
- Bà Phạm Thị Lan Anh: 300.000 đồng theo Biên lai số 03077 ngày 04/6/2019.
- Bà Nguyễn Thu Dung: 300.000 đồng theo Biên lai số 03115 ngày 24/6/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

(Đã ký)

Lại Vĩnh Trung

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND Tp.Hà Nội ;
- TAND quận Hoàn Kiếm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;*
- *Lưu : VP, hồ sơ vụ án.*

Lại Vĩnh Trung

Nơi nhận:

- Các đương sự ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp.Hà Nội ;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Cục THADS Tp. Hà nội ;
- Lưu : VP, hồ sơ vụ án.

Lại Vĩnh Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Lại Vĩnh Trung